

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 21/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28206706940	Hoàng Phúc Bảo	Châu	14/10/2004	Quảng Bình	31TSC9	6.7	3.5	Không Đạt	
2	27202101890	Lê Vương Diệu	Chi	15/10/2003	Gia Lai	30TSC1	8.7	5.5	Đạt	
3	28212500120	Hồ Quốc	Đạt	21/02/2004	Phú Yên	31SYC5	9.3	8.5	Đạt	
4	27215252645	Lê Trung	Định	06/09/2003	Bình Định	31SYC5	8.3	7.5	Đạt	
5	27205252643	Võ Thị	Dương	18/10/2003	Quảng Nam	31CBN6	8.7	6.0	Đạt	
6	28212501034	Trịnh Đình	Duy	05/03/2004	Đắk Nông	31SYC5	9.3	8.5	Đạt	
7	28212324396	Võ Bình	Giang	13/08/2004	Đà Nẵng	31CBN6	8.7	7.3	Đạt	
8	27205239621	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	28/08/2003	Hà Tĩnh	31CBN6	9.3	9.0	Đạt	
9	28206549501	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/05/2004	Đắk Lắk	31TSC9	5.0	3.5	Không Đạt	
10	28204631933	Lê Bách Thy	Hào	16/09/2004	Đà Nẵng	31CBN6	8.0	9.0	Đạt	
11	28217749263	Nguyễn Văn	Hậu	02/01/2004	Quảng Nam	31SYC5	6.3	5.5	Đạt	
12	28212347202	Phạm Văn	Hậu	08/08/2004	Đắk Nông	31SYC5	4.0	4.0	Không Đạt	
13	28214620671	Lê Trung	Hiếu	10/09/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.3	10.0	Đạt	
14	28204303386	Trịnh Thị Ngọc	Hiếu	30/04/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.0	7.3	Đạt	
15	25211604950	Hàn Sỹ	Hình	10/12/2001	Quảng Nam	31CBN6	V	V	Không Đạt	
16	28207701774	Trần Nguyễn Khánh	Hoàng	13/09/2004	Gia Lai	31SYC5	9.0	7.0	Đạt	
17	27215252664	Nguyễn Đình	Hồng	22/07/2002	Quảng Ngãi	31SYC5	9.3	8.3	Đạt	
18	28210202768	Nguyễn Quốc	Hưng	13/02/2004	Quảng Nam	31CBN6	8.7	8.5	Đạt	
19	27215239394	Nguyễn Quang	Huy	27/06/2003	Gia Lai	31CBN6	9.7	8.5	Đạt	
20	27212435584	Phan Minh	Huy	29/04/2003	Quảng Nam	31SYC5	5.7	5.0	Đạt	
21	27202242179	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/08/2003	Quảng Bình	31CBN6	9.3	10.0	Đạt	
22	28208027850	Trần Thị Khánh	Huyền	04/12/2004	Đà Nẵng	31TSC9	7.7	5.5	Đạt	
23	28212727754	Lê Trung	Kiên	17/08/2004	Đà Nẵng	31CBN6	7.3	9.5	Đạt	
24	28208002969	Lê Thị Thúy	Kiều	26/08/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.0	8.5	Đạt	
25	27215200062	Nguyễn Ngọc	Lâm	16/05/2003	Bình Định	31CBN6	9.7	8.5	Đạt	
26	27207139637	Trần Thị Mỹ	Lệ	25/10/2003	Quảng Ngãi	31SYC5	4.0	4.3	Không Đạt	
27	28208000844	Võ Thị Mỹ	Lệ	24/02/2004	Phú Yên	31TSC9	8.3	8.5	Đạt	
28	28205136254	Nguyễn Hà Khánh	Linh	15/04/2004	Gia Lai	31TSC9	5.7	5.0	Đạt	
29	27212201549	Nguyễn Quang	Linh	09/09/2003	Liên Bang Ng	31CBN6	V	V	Không Đạt	
30	27205200520	Phan Thị Ánh	Linh	29/05/2003	Hồ Chí Minh	31CBN6	10.0	8.3	Đạt	
31	27205228686	Vương Thị Mỹ	Loan	18/05/2003	Bình Định	31CBN6	10.0	9.5	Đạt	
32	28219404408	Nguyễn Phước	Lộc	05/01/2004	Đà Nẵng	31CBN6	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28212306398	Trần Đức Long	16/12/2004	Đắk Lắk	31TSC9	8.3	0.0	Không Đạt	
34	28212338478	Lê Tự Lực	11/12/2003	Quảng Nam	31TSC9	9.0	6.0	Đạt	
35	28206701752	Đinh Thị Xuân	26/07/2004	Quảng Trị	31SYC5	8.7	7.0	Đạt	
36	28212303952	Hồ Mừng	08/08/2004	Đà Nẵng	31SYC5	7.3	7.8	Đạt	
37	28212705391	Trần Hoài Nam	30/04/2004	Nghệ An	31CBN6	6.0	7.5	Đạt	
38	28217702814	Vũ Hoài Nam	08/02/2004	Gia Lai	31SYC5	8.3	8.5	Đạt	
39	28205236715	Nguyễn Thị Tỏ	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	4.3	3.0	Không Đạt	
40	28208020589	Võ Thị Bích Nga	05/02/2004	Phú Yên	31TSC9	8.7	7.0	Đạt	
41	28206206177	Lê Thị Kim Ngân	25/03/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	5.0	4.0	Không Đạt	
42	27211201896	Ngô Tấn	01/06/2003	Đà Nẵng	31TSC9	V	V	Không Đạt	
43	28206504158	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/12/2004	Đà Nẵng	31SYC5	8.7	5.5	Đạt	
44	26205339309	Trần Hà Ngân	21/01/2002	Đà Nẵng	31CSC5	9.3	9.5	Đạt	
45	28218242693	Đặng Lê Trọng Nghĩa	15/04/2004	Đà Nẵng	31TSC9	6.7	6.0	Đạt	
46	28208004373	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/08/2003	Đà Nẵng	31SYC5	4.7	7.8	Không Đạt	
47	28207704612	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	13/11/2004	Đà Nẵng	31SYC5	8.7	8.8	Đạt	
48	28208148475	Bùi Thanh Nhi	29/09/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	8.3	8.5	Đạt	
49	29204660650	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	11/05/2005	Bình Định	31TBN8	8.3	7.5	Đạt	
50	28208037364	Trương Thị Hoàng Nhi	16/08/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.7	7.0	Đạt	
51	28204337515	Lê Thị Hồng Nhung	17/11/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.7	6.8	Đạt	
52	28202704925	Nguyễn Thị Nhung	20/10/2004	Thừa Thiên H	31CBN6	5.0	6.8	Đạt	
53	28208001590	Nguyễn Thị Thùy Nhung	08/11/2004	Đắk Lắk	31TSC9	9.3	6.5	Đạt	
54	28206502432	Đặng Thị Thu Nữ	20/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	7.3	5.5	Đạt	
55	28200402882	Lê Châu Quyên	27/08/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.7	6.5	Đạt	
56	28204605298	Lê Thị Ngọc Quỳnh	26/06/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.3	6.8	Đạt	
57	28206506572	Huỳnh Thị Thu Sương	14/10/2003	Quảng Ngãi	31SSC3	6.3	5.0	Đạt	
58	28217706788	Nguyễn Minh Tài	12/02/2004	Nghệ An	31SYC5	6.7	6.3	Đạt	
59	28204650785	Trần Lê Diễm Tâm	11/06/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.7	7.0	Đạt	
60	28207700427	Võ Thị Thanh Tâm	07/04/2004	Đà Nẵng	31SYC5	8.7	7.0	Đạt	
61	28212705574	Phạm Hoàng Thân	17/08/2004	Quảng Ngãi	31CBN6	9.0	8.5	Đạt	
62	28218002858	Trần Hữu Thắng	04/04/2004	Quảng Nam	31TSC9	9.0	8.3	Đạt	
63	28212702928	Võ Đình Thành	12/07/2004	Quảng Nam	31CBN6	5.0	6.0	Đạt	
64	28204602788	Nguyễn Thị Thọ	02/05/2004	Quảng Nam	31TSC9	7.3	6.5	Đạt	
65	28214654145	Nguyễn Văn Thống	10/01/2003	Nghệ An	31CBN6	8.0	10.0	Đạt	
66	28205227655	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	15/09/2004	Đà Nẵng	31THT4	5.3	5.0	Đạt	
67	28206204300	Phan Thanh Thúy	20/12/2004	Gia Lai	31SYC5	10.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28203500663	Trần Thị Thúy	30/09/2004	Quảng Nam	31TSC9	10.0	6.8	Đạt	
69	26205339346	Lê Thị Vi	30/07/2002	Quảng Nam	31TSC9	6.3	6.0	Đạt	
70	28209404363	Ngô Thị Quế	25/10/2004	Bình Định	31CBN6	7.0	8.0	Đạt	
71	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc	25/10/2004	Hồ Chí Minh	31TSC9	4.7	4.0	Không Đạt	
72	28204605659	Trần Lê Bội	18/11/2004	Huế	31CBN6	7.3	8.0	Đạt	
73	28207130716	Nguyễn Hoàng Thùy	25/11/2004	Đắk Lắk	31SYC5	9.3	7.3	Đạt	
74	28207254606	Nguyễn Thị Quỳnh	25/10/2004	Quảng Bình	31TSC9	4.3	5.3	Không Đạt	
75	27205245967	Nguyễn Thị Thùy	04/06/2003	Đà Nẵng	31SYC5	9.0	7.5	Đạt	
76	27205201934	Vũ Thị Kiều	23/01/2003	Gia Lai	31TSC9	9.3	6.8	Đạt	
77	28212735970	Đoàn Văn	20/08/2003	Buôn Ma Thu	31CBN6	7.3	7.5	Đạt	
78	28212301196	Đoàn Anh Nhật	03/08/2004	Quảng Nam	31SYC5	6.0	8.0	Đạt	
79	28212300756	Nguyễn Ngọc	03/10/2004	Gia Lai	31TSC9	7.0	7.0	Đạt	
80	28204803652	Phạm Trần	10/07/2004	Quảng Ngãi	31TBN6	5.0	V	Không Đạt	
81	28212703876	Hoàng Văn	28/03/2004	Gia Lai	31CBN6	5.0	4.3	Không Đạt	
82	29212455422	Thái Hoàng	07/03/2005	Quảng Trị	31SYC5	7.0	8.3	Đạt	
83	28212401168	Nguyễn Tấn	08/05/2004	Quảng Nam	31TSC9	8.0	5.0	Đạt	
84	28212703879	Lê Cảnh	15/05/2004	Quảng Trị	31TSC9	8.0	8.0	Đạt	
85	28206503622	Trần Lê Ngọc	05/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	9.7	6.8	Đạt	
86	28216801245	Lê Công Nguyên	26/04/2004	Quảng Nam	31SYC5	6.7	5.5	Đạt	
87	28208035310	Nguyễn Thị Trà	30/09/2004	Phú Yên	31TSC9	9.3	6.5	Đạt	
88	28203524704	Nguyễn Thị Bích	24/10/2004	Đắk Lắk	31TSC9	9.3	9.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh